

Bản đồ cảnh báo nguy hiểm nước dâng do bão

Tòa thị chính thành phố Tahara
 ● Ban biện pháp phòng chống thảm họa
 ☎ 0531-23-3548 (Liên hệ trực tiếp)
 Soạn thảo tháng 3 năm 2023

Độ sâu ngập lụt tối đa (m)

	5 ~ 10
	3 ~ 5
	0.5 ~ 3
	0 ~ 0.5

*** Khu vực cảnh báo đặc biệt thảm họa sạt lở đất**
Trong số các khu vực cảnh báo thảm họa sạt lở đất, đây là khu vực có nguy cơ gây thiệt hại về các tòa nhà, và gây nguy hiểm đáng kể đến tính mạng hoặc sức khỏe của người dân, v.v...

	Tên thí sinh chính thức - Văn phòng Thi Quốc gia (Trung tâm Thi Quốc gia) Thi Quốc gia (Trung tâm Thi Quốc gia)		Bế dự từ nước ngoài và dự phòng cho thí sinh học đại học		Tuyển dụng vào chuyên kình cấp (Sơ cấp) Thi tuyển chuyên kình cấp học sinh trung học
	Trạm cứu hỏa, chỉ huy trưởng của cứu hỏa		Kho phòng chống thiên họa - Kho phòng chống ngập lụt		Tuyển dụng vào chuyên kình cấp (Thị cấp) Thi tuyển chuyên kình cấp học sinh trung học
	Văn phòng phân cấp cứu chữa và ứng phó thiên họa		Số cảnh sát		Đường liên lạc
	Trung tâm chăm sóc sức khỏe		Điểm cảnh sát - Trạm cảnh sát		Các hàng xăng dầu ở trạm hỗ trợ cho người đi bộ về nhà (không bán xăng dầu hàng xăng dầu)
	Nhà tang lễ, nơi hỏa táng tử cung		Bưu điện		Các hàng tiện lợi cho người đi bộ về nhà
	Bến cảng cá có chống động đất		Nhà trẻ, v.v...		Các trạm hỗ trợ cho người đi bộ về nhà khác
	Khu vực có thể đáp trực thăng		Số với mức nước biển (m)		Trạm đường liên đường bộ
	Bệnh viện, phòng khám (không bao gồm nha khoa)				

	Khu vực cảnh báo thảm họa sạt lở đất (khu vực sườn dốc đứng)		Khu vực cảnh báo thảm họa sạt lở đất (lũ bùn đá)
	Khu vực cảnh báo đặc biệt thảm họa sạt lở đất (khu vực sườn dốc đứng)		Khu vực cảnh báo đặc biệt thảm họa sạt lở đất (lũ bùn đá)



Bản đồ điện tử Tahara

Trạm cứu hộ y tế		Điện thoại (0531)	Số với mực nước biển (m)
1	Trường trung học cơ sở Tobu	22-0407	20.7
2	Trường trung học cơ sở Tahara	22-1218	12.8
3	Trường trung học cơ sở Akabane	45-2057	20.6

*Mở cửa tùy theo tình hình khi xảy ra thảm họa

Trạm cứu hộ y tế		Điện thoại (0531)	Số với mực nước biển (m)
5	Trường tiểu học Tahara Chubu	22-1245	9.0
6	Trường tiểu học Noda	25-0007	12.5

*Mở cửa tùy theo tình hình khi xảy ra thảm họa

Bệnh viện liên kết khi xảy ra thảm họa		Điện thoại (0531)	Số với m nước biển
9	Bệnh viện Atsumi	22-2131	5

Danh sách nhà anh em khi xảy ra thảm họa do động đất và mưa lũ			
Nhà anh em bị thảm họa do động đất và mưa lũ		Điểm khởi tạo	Số vòng mới được sinh ra
1	Trung tâm sinh học cộng đồng của Misura	27-0019	34,7
2	Trung tâm sinh học cộng đồng Kanbe	22-0980	10,8
3	Trung tâm sinh học cộng đồng Okusa	22-6276	20,1
4	Trung tâm sinh học cộng đồng Tahaibu	22-5027	7,2
5	Trung tâm sinh học cộng đồng Tahanu	22-6659	18,9
6	Trung tâm sinh học cộng đồng Dohu	23-0660	17,7
7	Trung tâm cộng đồng Kazan	22-1700	14,3
8	Trung tâm sinh học cộng đồng Kingasa	23-2326	21,0
9	Trung tâm sinh học cộng đồng Noda	25-0004	12,3
10	Trung tâm sinh học cộng đồng Takamasa	45-3650	25,3
11	Trung tâm sinh học cộng đồng Akabane	45-5210	25,6

Danh sách nơi lánh nạn phúc lợi			
	Nơi lánh nạn phúc lợi	Điện thoại (0531)	Số vị mức nước biển (m)
①	Trường dạy nghề phúc lợi toàn cầu Tahara	22-3939	11.5
②	Trung tâm cộng đồng Kazan	22-1700	14.3
③	Trung tâm phúc lợi Akabane	45-3499	30.4

Danh sách địa điểm lãnh nạn khi xảy ra động đất			
	Địa điểm lãnh nạn khi động đất	Tên khu vực	Số việc mất mạng
1	Sân vận động của Trường tiểu học Musutse	Khu vực trường học Musutse	39,4
2	Sân vận động của Trường trung học cơ sở Taba	Kawaguchi, Utsunohioka, Utsunohioka, Nishikubo, Saitama, Kanbechiba	20,7
3	Quảng trường phía trước thị trấn Ichii Minami Fusa	Higashikashiki, Surcoat	6,7
4	Sân vận động của Trường tiểu học Kanbe	Ase, Kikogaya, Aizumi, Saito, Ikizumi, Momoyama, Nishikubo, Toga	20,4
5	Sân vận động của Trường tiểu học Kusa	Khu vực trường học Okusa	21,1
6	Quảng trường trước sân chơi công cộng Tabata Taba	Aikawa, Yagayama, Yagumada	7,2
7	Sân vận động của Trường tiểu học Tabara Taba	Tohima, Gotoyama	7,0
8	Quảng trường trước sân chơi công cộng Tabara Taba	Okubo	18,9
9	Sân vận động của Trường tiểu học Doho	Yoshino, Momemori, Yoshikodai, Katsuhiko, Shirotsu, Katsushii	12,0
10	Quảng trường trước sân chơi công cộng Doho	Uta, Warabada	17,7
11	Công viên nông thôn Kasayama	Nishino, Haze, Himemidai, Kosaki	20,4
12	Sân vận động của Trường trung học cơ sở Tabara	Hokuho	11,4
13	Sân vận động của Trường tiểu học Tabara Chubu	Kamayachi	9,0
14	Sân vận động của Trường trung học phổ thông Seibo	Hoshikoshi, Shimochi	18,2
15	Sân vận động của Trường tiểu học Kinugasa	Khu vực trường học Kinugasa	16,6
16	Quảng trường trước sân chơi công cộng tại Saitama	Aishi	18,4
17	Sân vận động ngoài trời của trường tiểu học Furusato	Momoi, Hitoa, Kuroyama, Nodochiba	13,0
18	Sân vận động của Trường tiểu học Noda	Hi, Higashikawachi, Tamakoshi, Hoshikoshi, Kikado, Nishi, Nerada	12,3
19	Sân vận động của Trường tiểu học Takatsuki	Khu vực trường học Takatsuki	25,0
20	Sân vận động của Trường trung học cơ sở Akabane	Khu vực trường học Akabane	22,6

Danh sách nơi lánh nạn khi xảy ra động đất				
	Nơi lánh nạn khi động đất	Tên khu vực	Địa điểm (địa chỉ)	Số mặt nấp (số người)
1	Trường tiểu học Mutsure	Khu vực trường học Mutsure	T-27-0121	39,8
2	Trường trung học cơ sở Sotobu	Kawaguchi, Utsunohi, Kuro, Utsunohi Utsunohi, Utsunohi, Utsunohi	T-24-0407	20,7
3	Trung tâm sinh hoạt cộng đồng Kanbe	Higashimurakami, Senooen Senooen, Senooen, Senooen	T-22-0980	10,8
4	Trường tiểu học Kanbe	Ara, Kikigata, Hara, Kikigata, Kikigata Kikigata, Kikigata, Kikigata	T-25-0542	20,4
5	Khu vực trường học Okusa	Khu vực trường học Okusa	T-24-0702	21,1
6	Trung tâm sinh hoạt cộng đồng Tanaka	Akawa, Yaguma, Yamaguchi	T-25-0027	7,2
7	Trường tiểu học Tachibana	Toshima, Gotoyama	T-21-0719	7,0
8	Trung tâm sinh hoạt cộng đồng Tachibana Nanbu	Okubo	T-22-2659	18,9
9	Trường tiểu học Doho	Yoshida, Murohara, Yoshida, Kikigata Yoshida, Kikigata, Kikigata	T-22-0279	13,3
10	Trung tâm sinh hoạt cộng đồng Dohoh/Văn phòng quản lý Ura	Ura, Wazabuchi, Kosaki	T-23-0660/2-0546	17,7
11	Trường trung học cơ sở Tachibana	Hako	T-22-1218	12,8
12	Trường tiểu học Tachibana Chubu	Kayamachi	T-23-1245	9,0
13	Trường trung học phổ thông Seisho	Hornachi, Shimachi	T-21-0141	18,2
14	Trường tiểu học Kikigata	Khu vực trường học Kikigata	T-23-1818	16,8
15	Cơ sở Sente Dorei Công viên văn hóa Sente Park Tachibana	Ashi	T-25-1234	18,4
16	Trường tiểu học Noda	Minato, Kikigata, Kikigata, Kikigata Kikigata, Kikigata, Kikigata	T-25-0007	12,5
17	Trường tiểu học Takamatsu	Khu vực trường học Takamatsu	T-24-0608	25,0
18	Trường trung học cơ sở Kikigata	Khu vực trường học Kikigata	T-25-0057	20,6

1 : 16,000

Bản đồ này được tạo ra dựa trên bản đồ quy hoạch đô thị cơ bản do Hiệp hội các thành phố Higashi Mikawa phát hành dưới sự phê duyệt của Chủ tịch Hiệp hội các thành phố Higashi Mikawa. (Mã số phê duyệt) 29 Higashimito (Đo lường) số 1-19